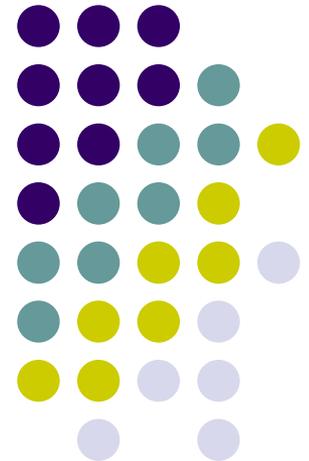


KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

CHƯƠNG 2 LÝ THUYẾT TMQT (phần II)

Giảng viên: Th.S Nguyễn Việt Khôi



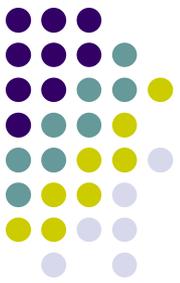
LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI DỰA TRÊN YẾU TỐ LỢI THẾ FACTOR ENDOWMENT (Lý thuyết H-O)



Lý thuyết H-O được xây dựng bởi 2 nhà kinh tế học người Thụy Điển là Eli Hecksher (1919) và Bertil Ohlin. Sau đó được nhà kinh tế học Paul Samuelson phát triển thêm.

Lý thuyết H-O gồm 4 nội dung chính:

- *Cân bằng giá cả yếu tố sản xuất*
- Định lý Stolper- Samuelson
- Định lý Rybczynski
- *Định lý thương mại Heckscher-Ohlin-Vanek*

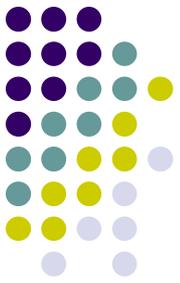


9 giả định của mô hình H - O

1. Đối tượng nc: 2 QG (1 & 2), 2 SP (X, Y) và 2 YTSX (lao động - L và vốn - K).
2. Cả 2 QG có cùng một trình độ công nghệ, kỹ thuật... → nguồn TSCĐ được sử dụng với một trình độ kỹ xảo như nhau.
3. Sp X đòi hỏi nhiều lao động hơn so với sp Y và ngược lại sp Y đòi hỏi nhiều vốn hơn so với sp X.

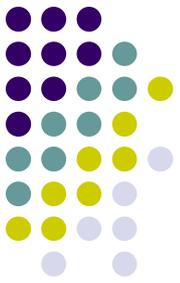
$$\frac{L}{K} \curvearrowright_X \curvearrowright \frac{L}{K} \curvearrowright_Y \text{ hay } \frac{K}{L} \curvearrowright_X \curvearrowright \frac{K}{L} \curvearrowright_Y$$

9 giả định của mô hình H - O



4. Lợi suất theo quy mô không đổi trong sx cả 2 sp ở cả 2 QG. Nếu có sự tăng lên về số lượng L và K thì slg sẽ tăng lên một lượng tương ứng.
5. CMH không hoàn toàn trong sx ở 2 QG. Khi có TM, 2 QG vẫn tiếp tục sản xuất cả 2 sp.
6. Thị hiếu và sở thích người tiêu dùng là như nhau ở cả 2QG.

9 giả định của mô hình H - O



7. Các YTSX được tự do di chuyển trong phạm vi 1 QG nhưng không được di chuyển trong phạm vi quốc tế. Quá trình di chuyển này sẽ dừng lại khi tiền lương cho cùng một loại LĐ hay lãi suất cho cùng một loại tư bản bằng nhau.
8. TMQT là hoàn toàn tự do, không tính đến chi phí vận chuyển, không tính đến thuế quan và các chi phí khác cản trở thương mại.
9. Cạnh tranh hoàn hảo trên cả hai thị trường sản phẩm và thị trường các YTSX



Các khái niệm

Yếu tố thâm dụng (factor-intensive)

Với giả định 2 sp X & Y, 2 YTSX L & K:

- Y là sản phẩm thâm dụng vốn nếu tỷ số K/L được sử dụng trong sản xuất Y là > tỷ số K/L sử dụng trong việc sản xuất X.

$$\frac{L}{K} \Big|_X \gtrsim \frac{L}{K} \Big|_Y \quad \text{hay} \quad \frac{K}{L} \Big|_X \lesssim \frac{K}{L} \Big|_Y$$

Các khái niệm



Yếu tố dư thừa (factor abundance)

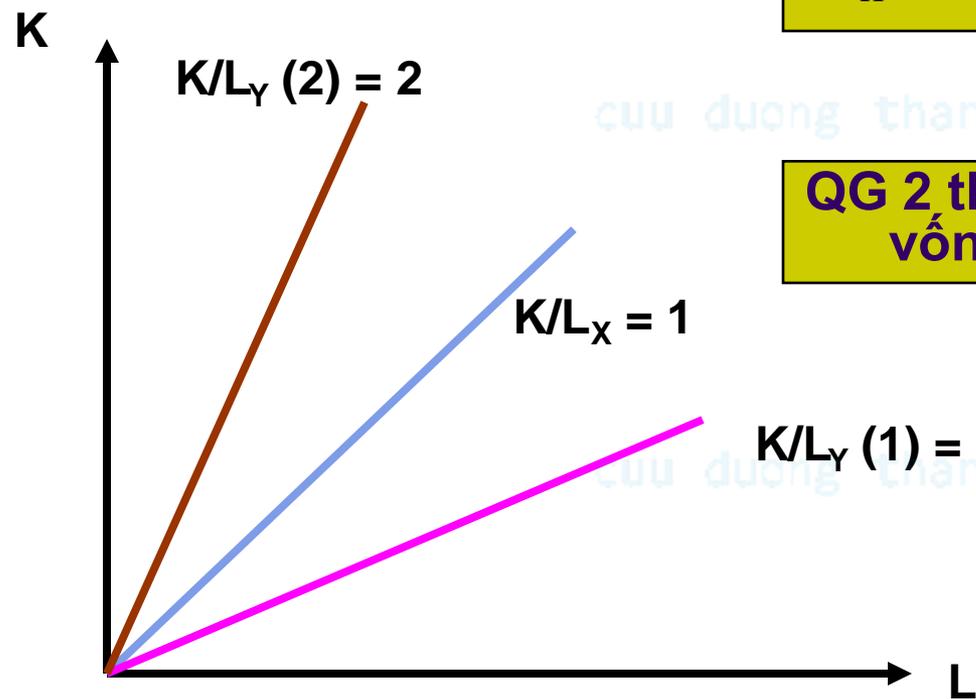
Nói lên sự dồi dào của một YTSX nào đó. Có thể là K hay L. Có 2 cách xác định:

- Thứ nhất, dựa trên toàn bộ số lượng lao động và tư bản dùng vào sản xuất của quốc gia đó.
- Thứ hai, thông qua giá cả sp so sánh.

Yếu tố lợi thế (factor endowment): có thể hiểu như khái niệm factor abundance.



Các khái niệm



$$\frac{\sum L}{\sum K} > \frac{\sum L}{\sum K}$$

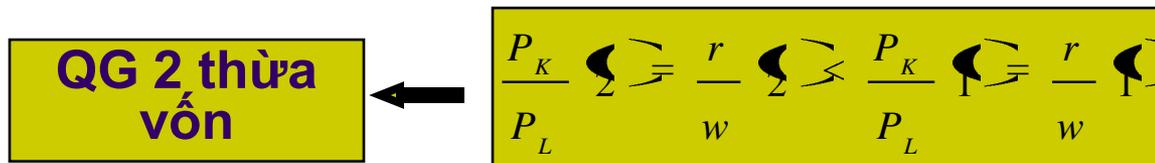
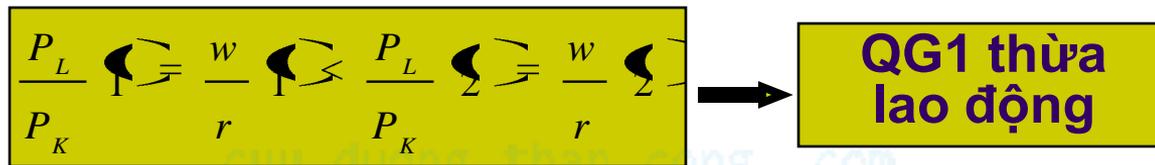
QG1 thừa lao động

$$\frac{\sum K}{\sum L} > \frac{\sum K}{\sum L}$$

QG 2 thừa vốn



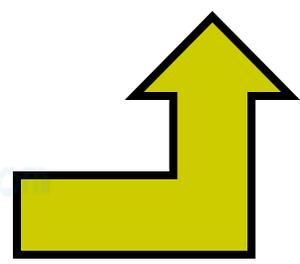
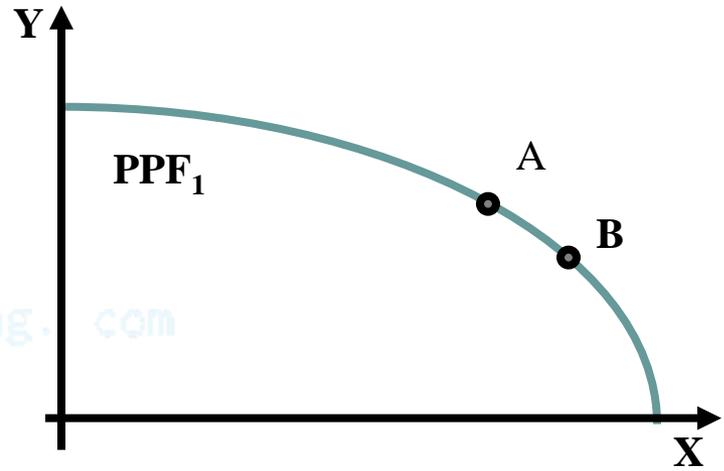
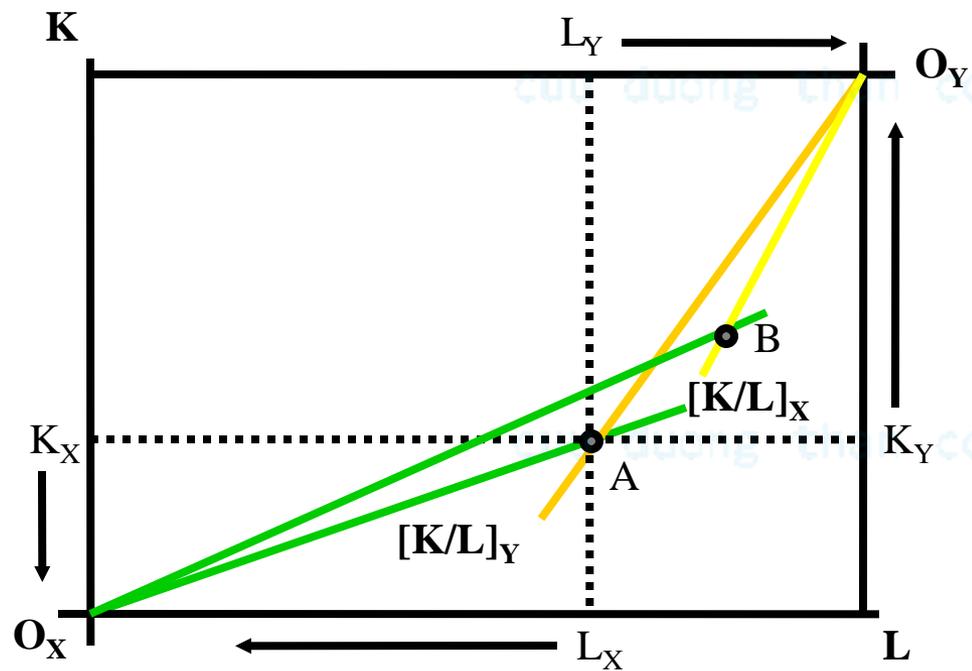
Các khái niệm

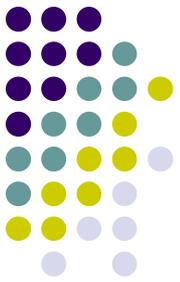


Mối liên hệ với hình dạng PPF

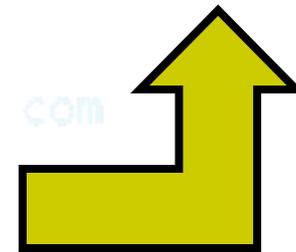
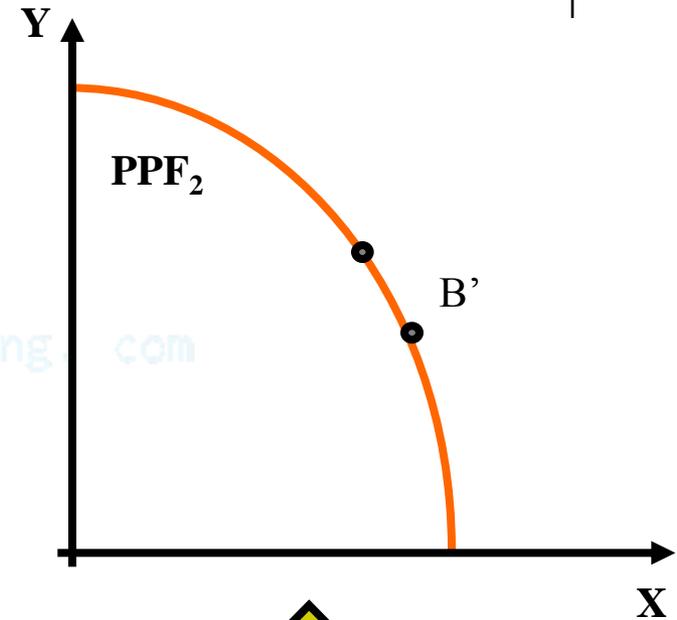
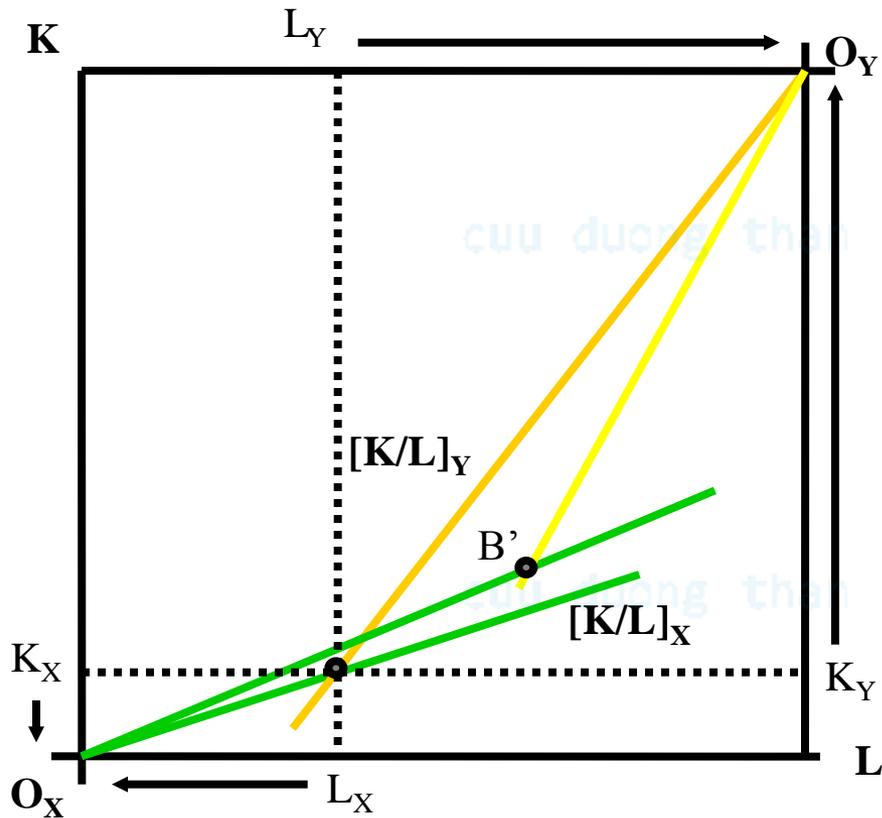


Quốc gia 1





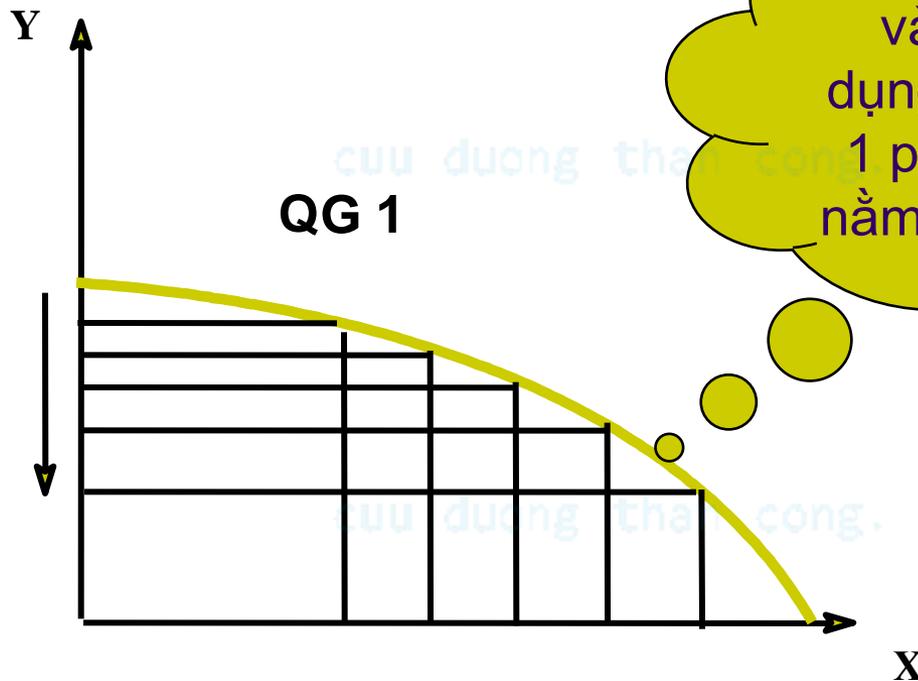
Mối liên hệ với hình dạng PPF



Quốc gia 2



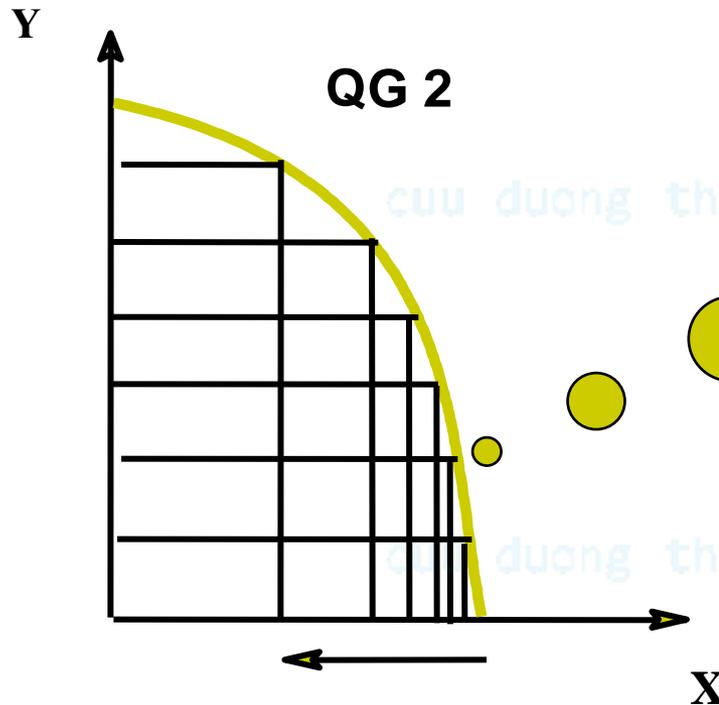
Mối liên hệ với hình dạng PPF



QG 1 là QG dư thừa L
và sp X là sp thâm
dụng L → PPF của QG
1 phẳng và rộng hơn,
nằm sát với trục hoành.



Mối liên hệ với hình dạng PPF

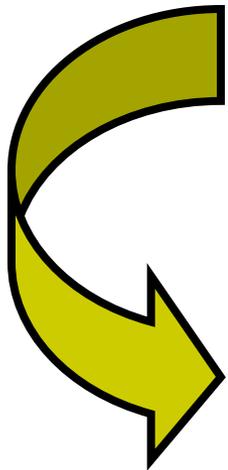


Vì QG 2 là QG dư thừa K và sp Y là sp thâm dụng K → PPF hẹp và nằm dọc theo trục tung

Lý thuyết H - O



Định lý H - O : 1 QG sẽ XK sản phẩm thâm dụng yếu tố mà QG đó dư thừa tương đối và NK sản phẩm thâm dụng yếu tố mà quốc gia đó khan hiếm tương đối.

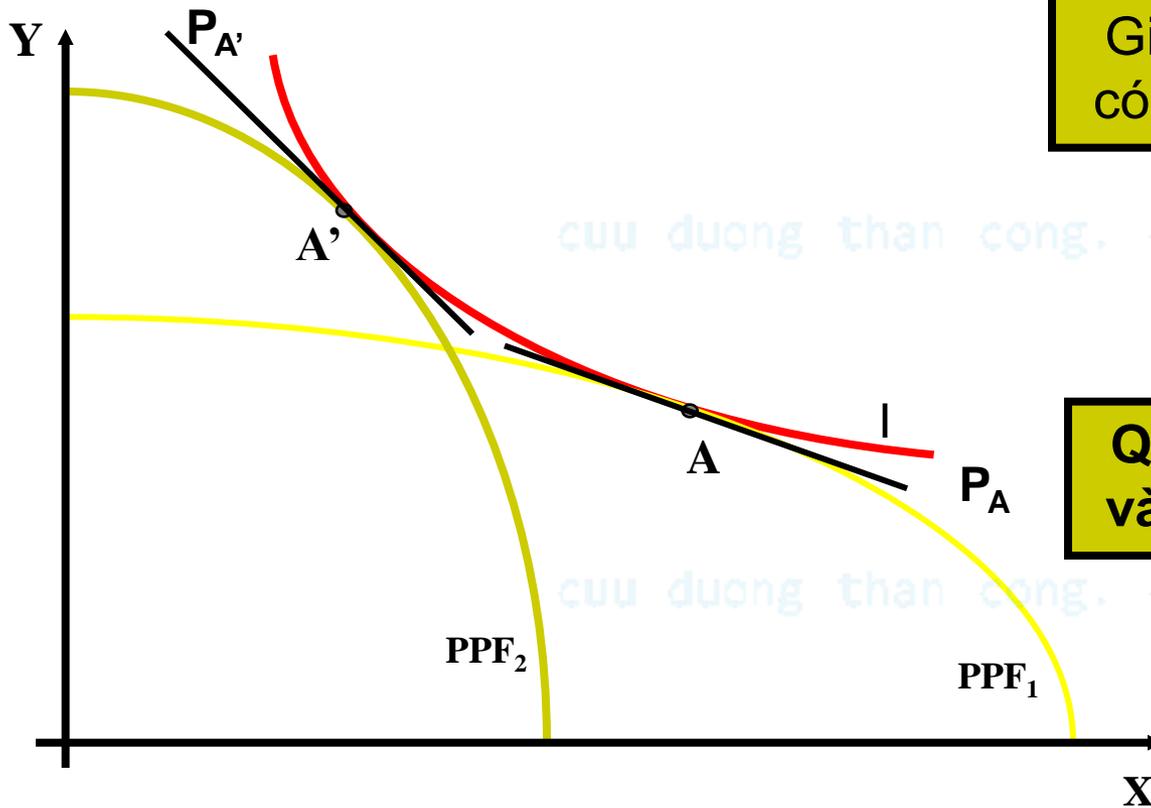
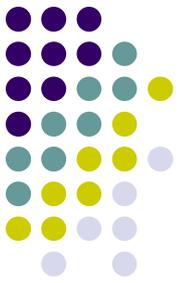


Sự khác nhau trong giá cả tương đối là do sự khác nhau giữa các yếu tố dư thừa tương đối hay nguồn lực SX vốn có của QG

Định lý H - O



Ví dụ minh họa

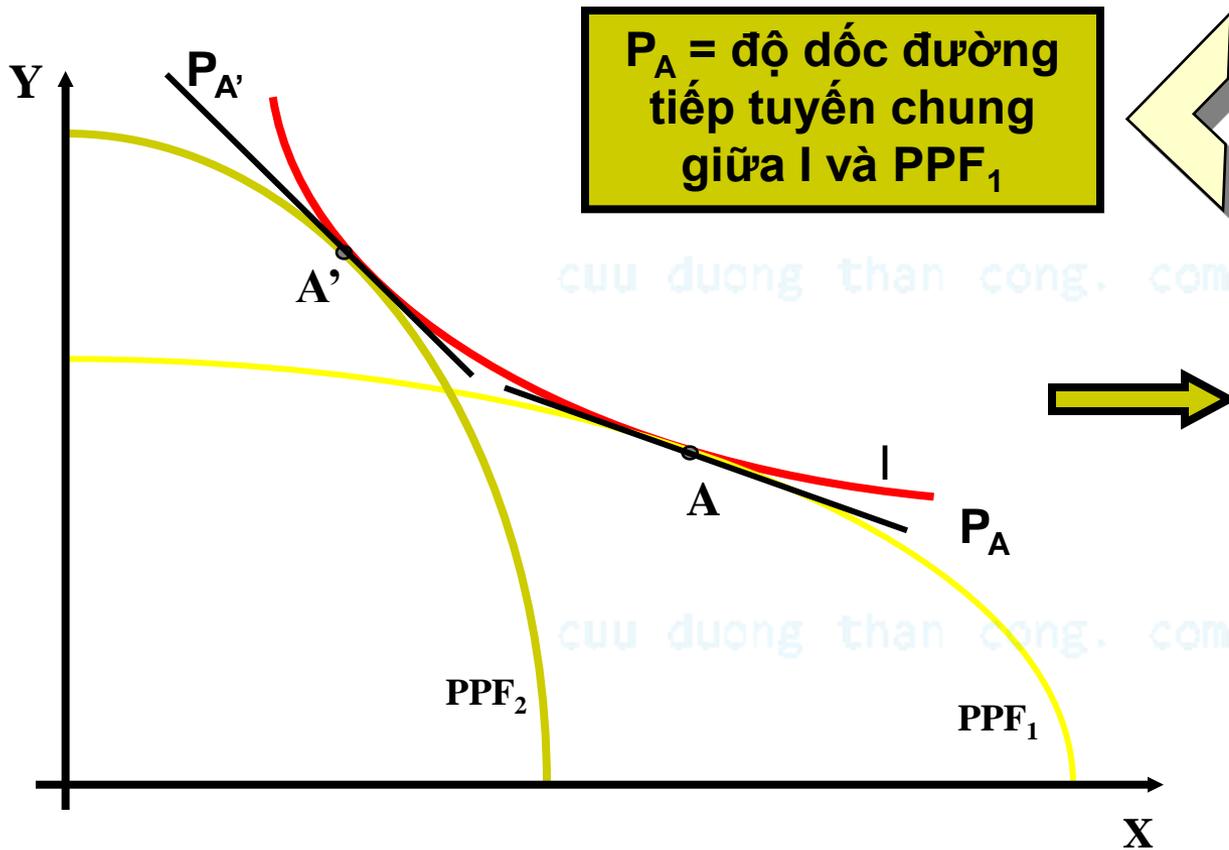
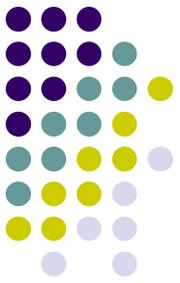


Giả thiết 6 \rightarrow QG 1 và QG 2 có chung đường bàng quan I

Ko có TM

QG1 và QG2 sx và td tại A và A' với mức giá P_A và $P_{A'}$

Ví dụ minh họa

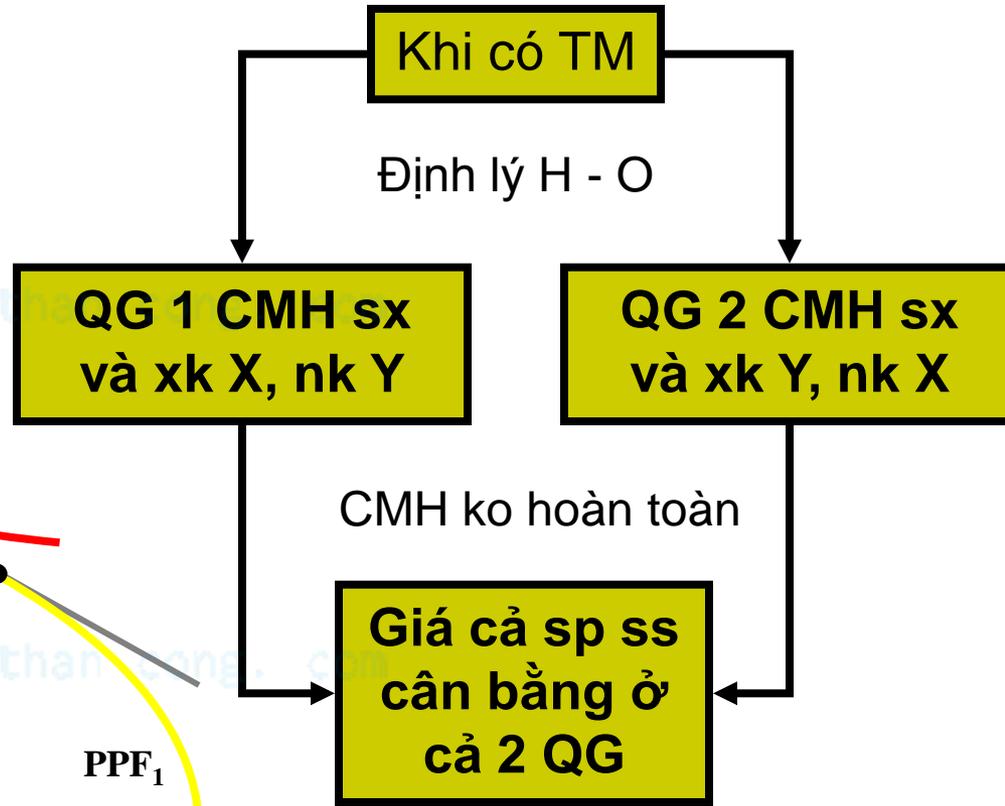
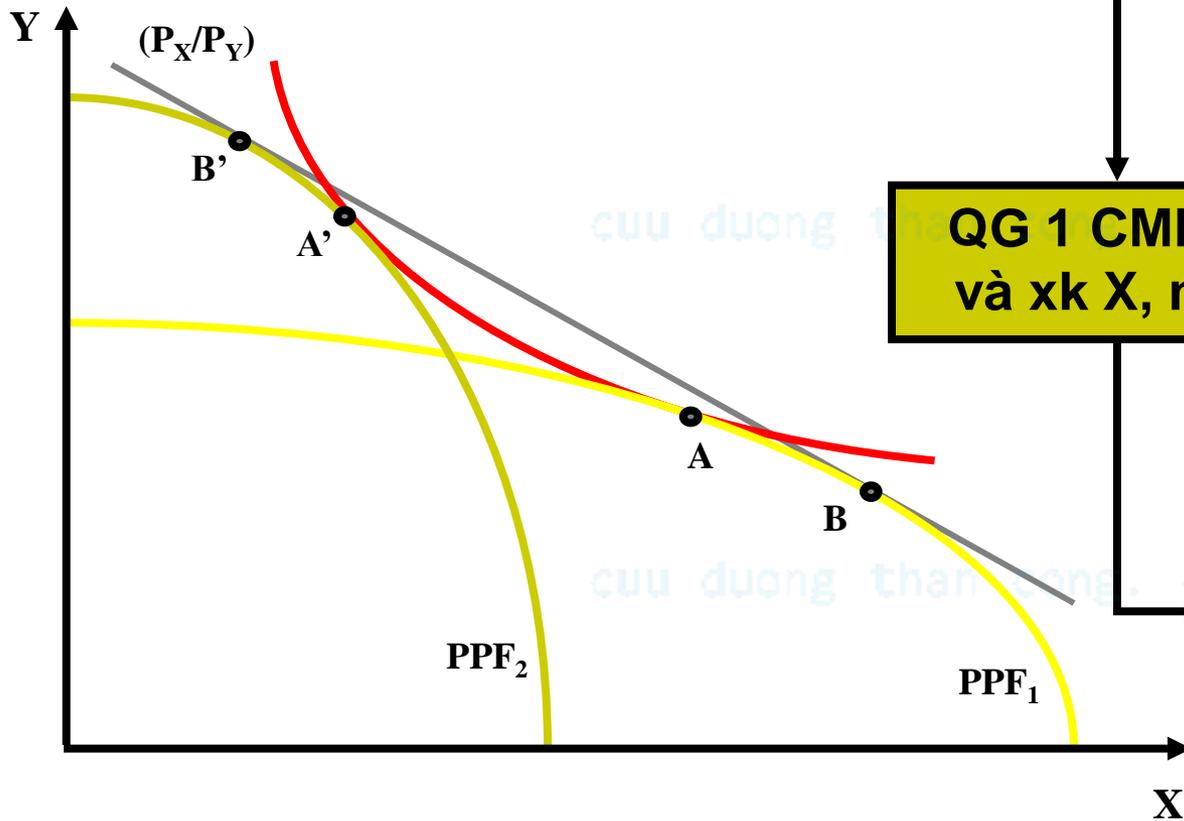


$P_A =$ độ dốc đường tiếp tuyến chung giữa I và PPF₁

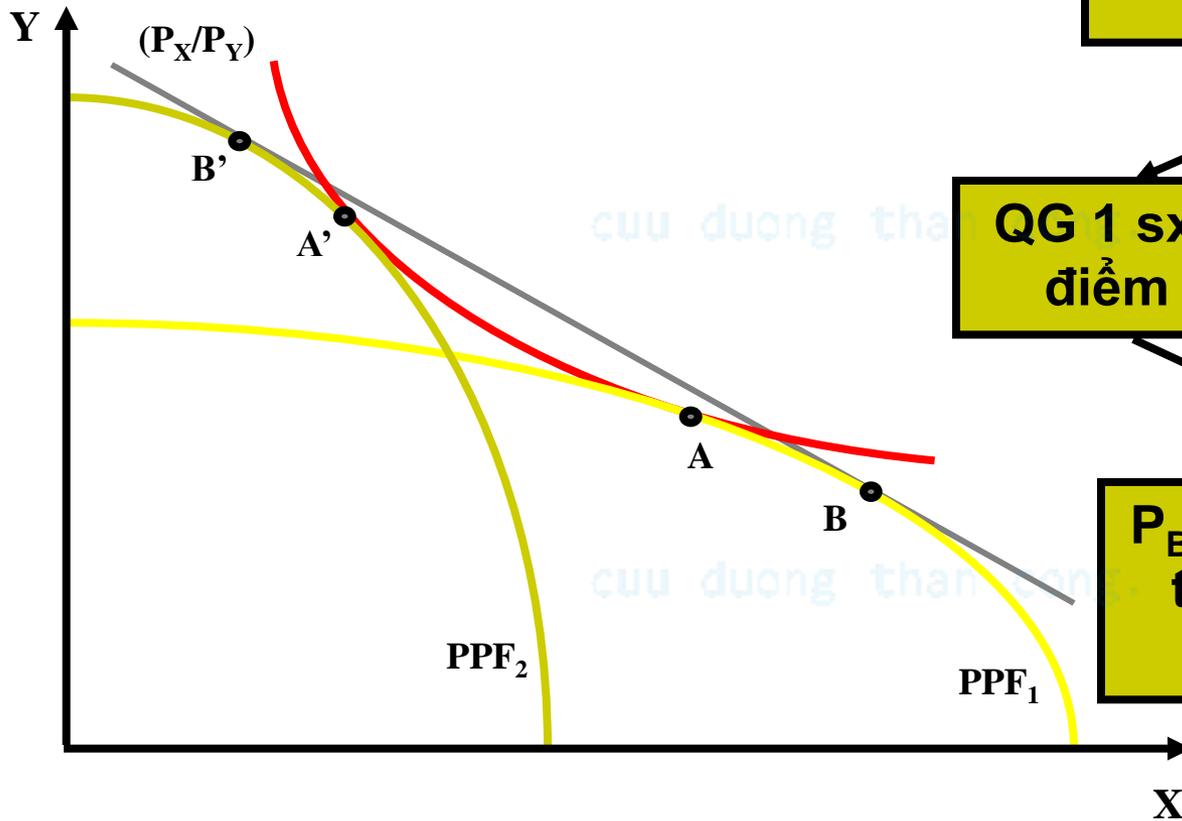
$P_{A'} =$ độ dốc đường tiếp tuyến chung giữa I và PPF₂

QG1 có LTSS đối với sp X và QG 2 có LTSS đối với sp Y

Ví dụ minh họa



Ví dụ minh họa



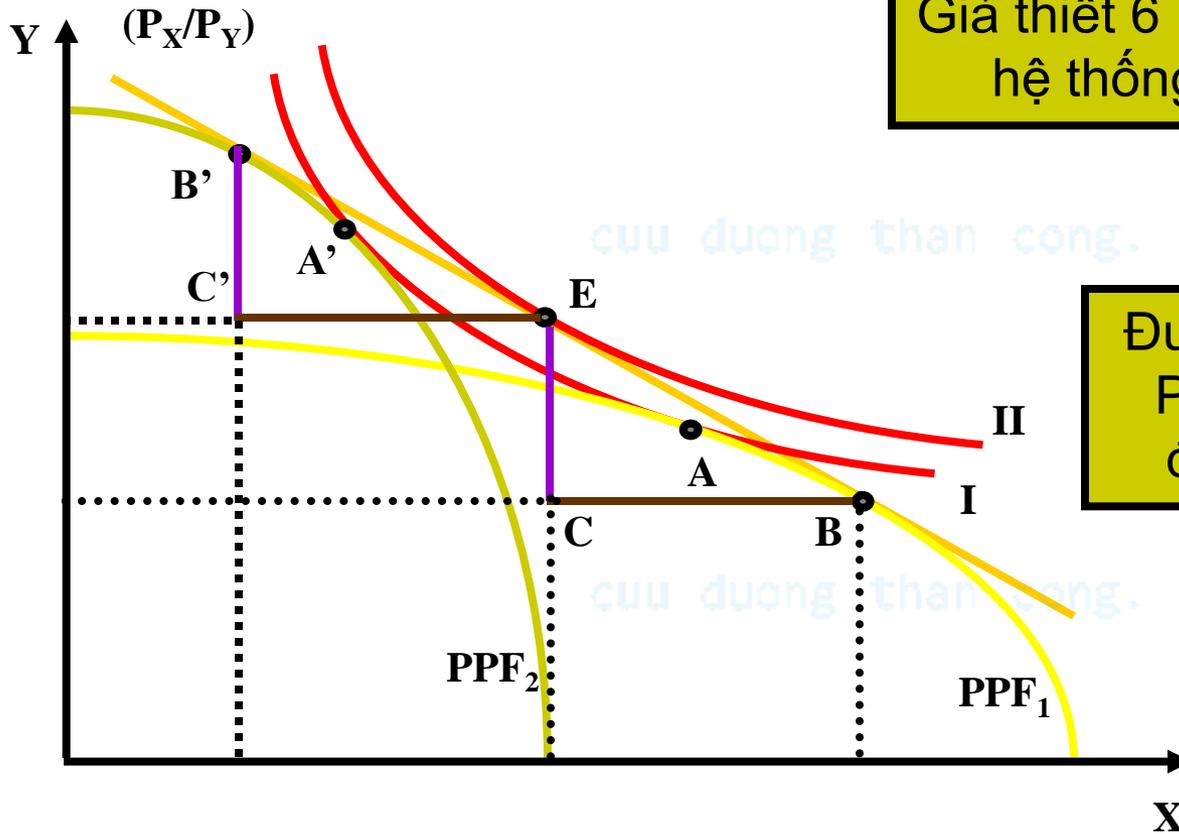
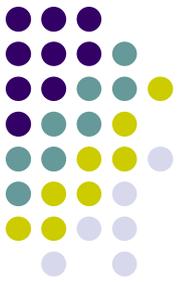
Giá cả tương đối cân bằng ở cả 2 QG

QG 1 sx tại điểm B

QG 2 sx tại điểm B'

$P_B = P_{B'} =$ độ dốc đường tiếp tuyến chung của PPF₁ và PPF₂

Ví dụ minh họa



Giả thiết 6 → QG 1 và QG 2 có chung hệ thống các đường bàng quan

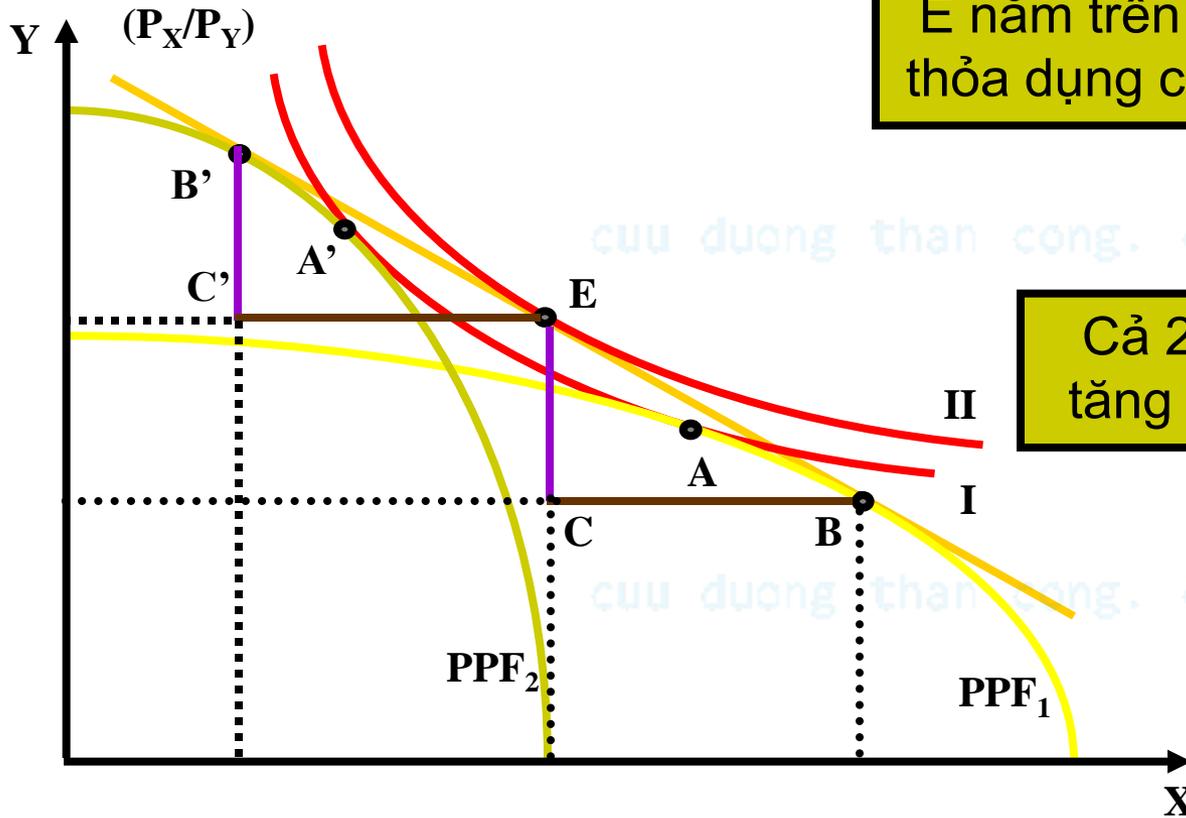
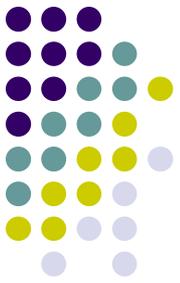


Đường tiếp tuyến chung của PPF₁ và PPF₂ tiếp xúc với đường bàng quan II tại E

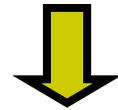


QG 1 và QG 2 cùng td tại điểm E

Ví dụ minh họa



E nằm trên đường bàng quan II có độ thỏa dụng cao hơn đường bàng quan I

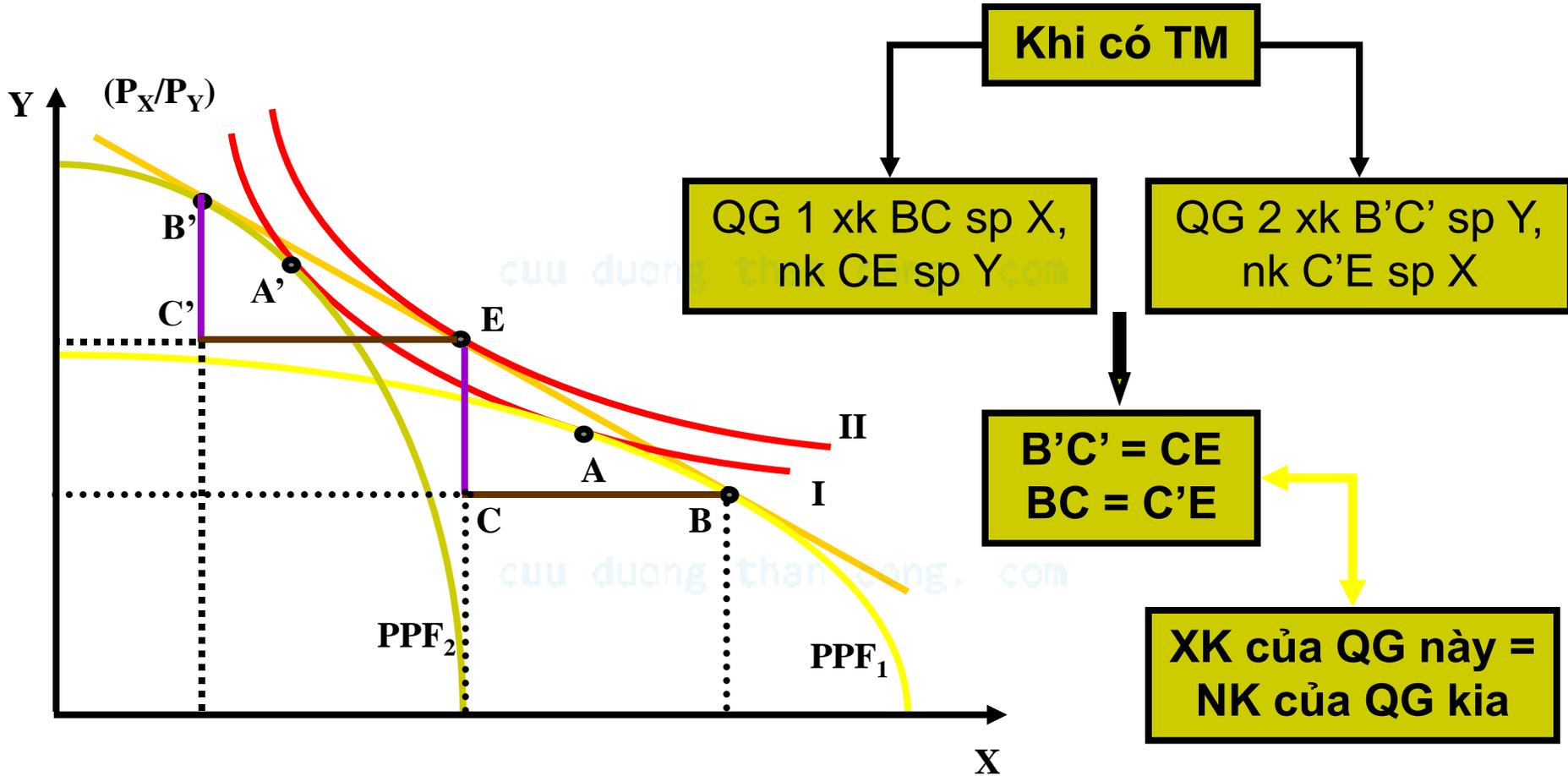
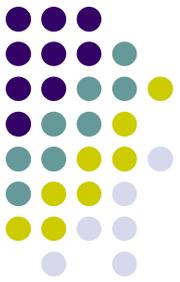


Cả 2 QG đều có độ thỏa dụng tăng lên so với trước khi có TM

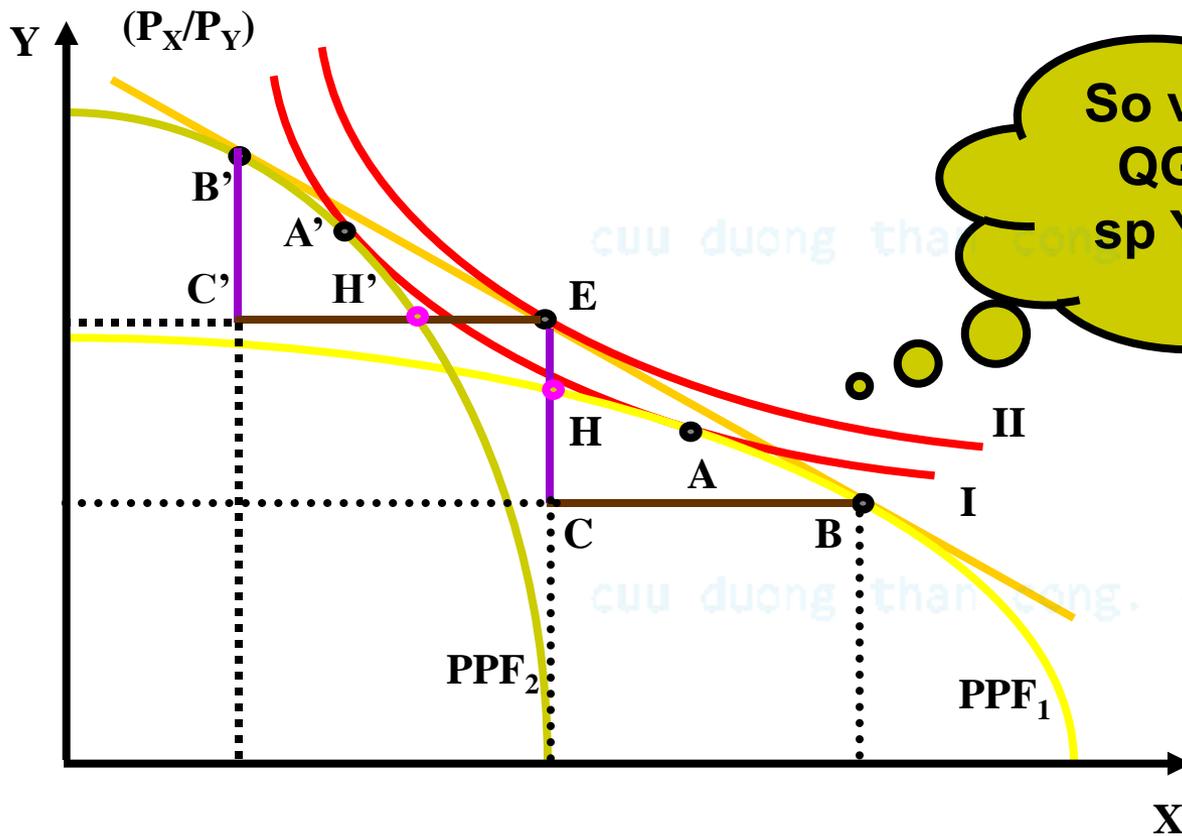
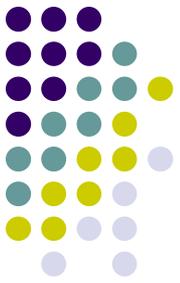


TM đem lại lợi ích cho cả 2 QG

Ví dụ minh họa



Ví dụ minh họa



So với khi ko có TM,
QG 1 được lợi HE
sp Y, QG 2 được lợi
H'E sp X

Lý thuyết H – O – S

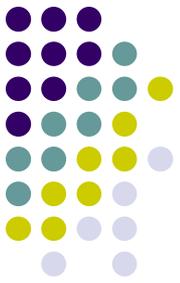


Vẫn bao hàm các giả thiết và được xây dựng trên các lý thuyết và khái niệm như lý thuyết H-O.

Định lý H-O-S: TMQT sẽ dẫn đến sự cân bằng tương đối và tuyệt đối trong lợi suất của các YTSX giữa các QG.

→ Bản chất của lý thuyết này: TMQT sẽ làm cho tiền lương của các *lao động đồng nhất* và lợi suất của vốn *đồng nhất* giữa các quốc gia tham gia TM là như nhau. Lao động đồng nhất là lao động có cùng một năng suất, có cùng một trình độ kỹ thuật tay nghề như nhau. Vốn đồng nhất nghĩa là có cùng một tỷ suất lợi nhuận và rủi ro như nhau.

Lý thuyết H – O – S



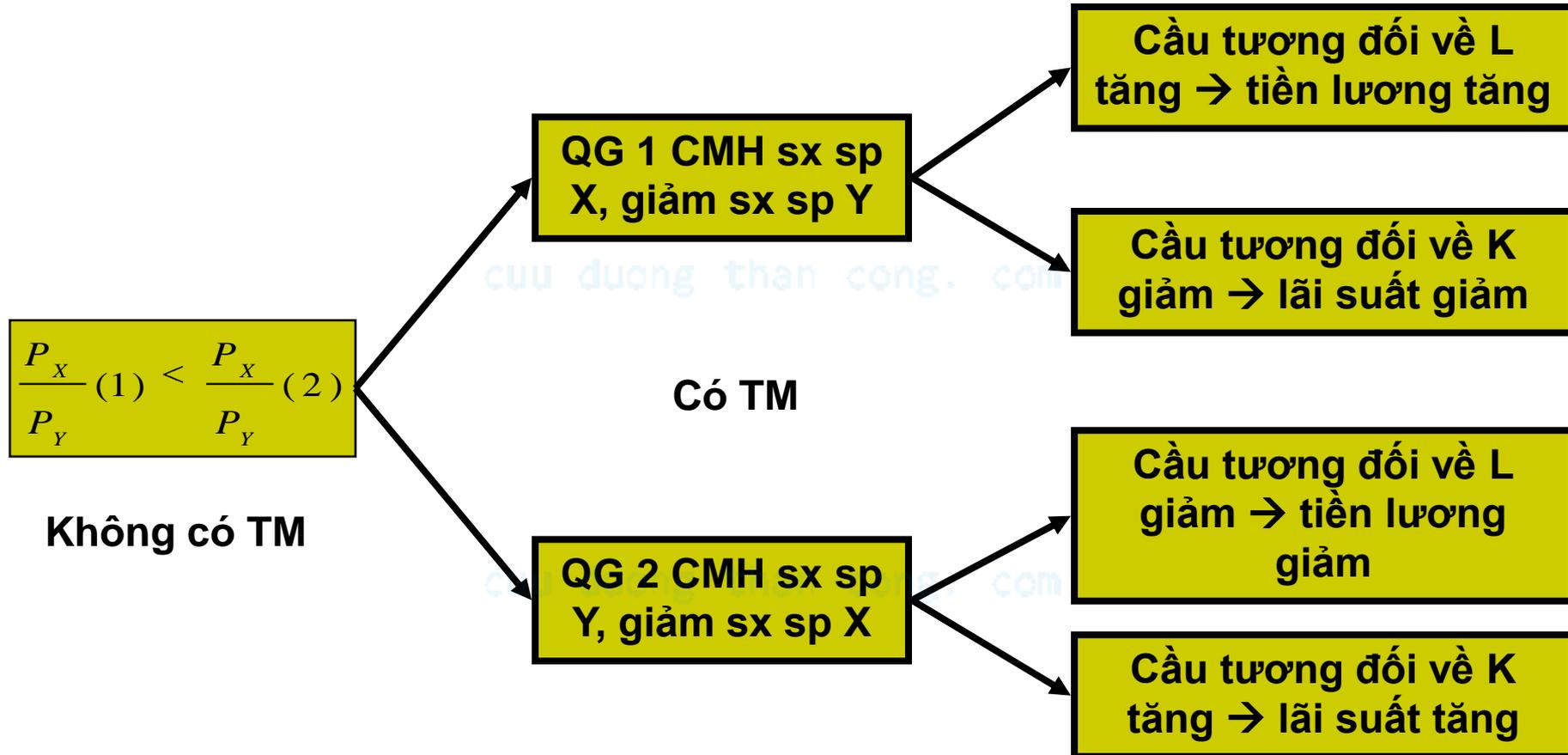
Áp dụng cho QG 1 và QG 2

TMQT sẽ làm cho tiền lương và lãi suất như nhau ở QG1 và QG2, tức là giá cả yếu tố tương đối và tuyệt đối sẽ cân bằng.

cuu duong than cong. com

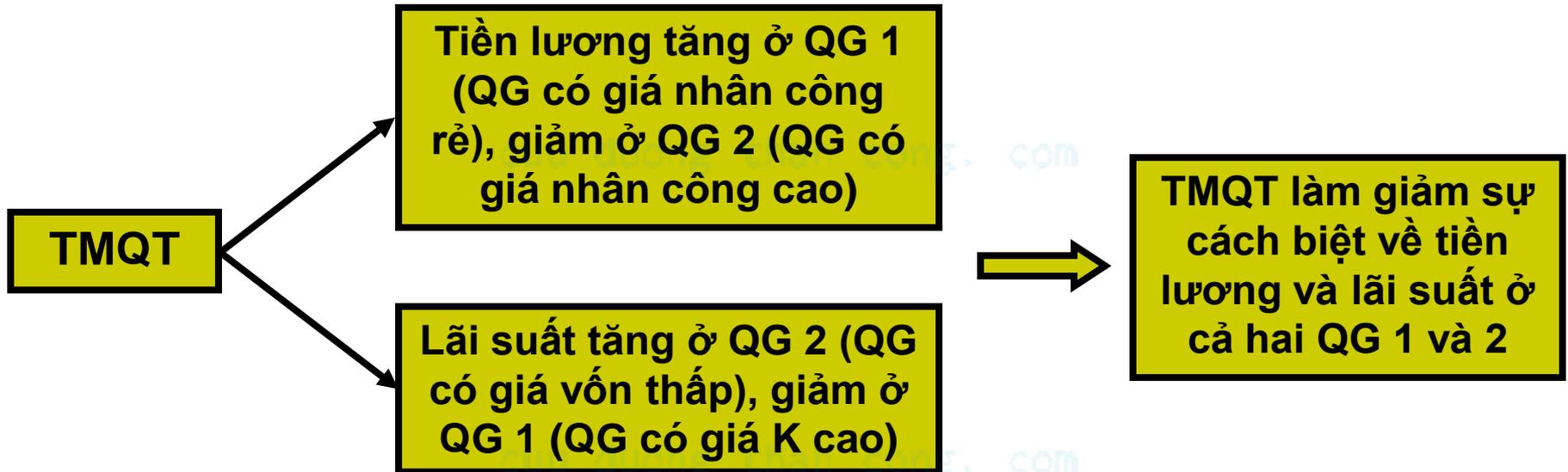


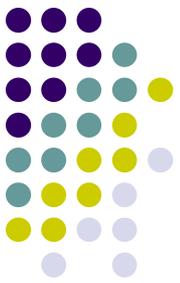
Minh họa cân bằng tuyệt đối





Minh họa cân bằng tuyệt đối





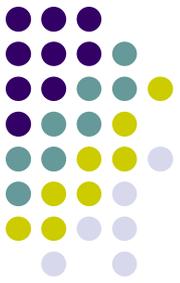
Minh họa cân bằng tuyệt đối

Có thể tóm tắt thành bảng sau

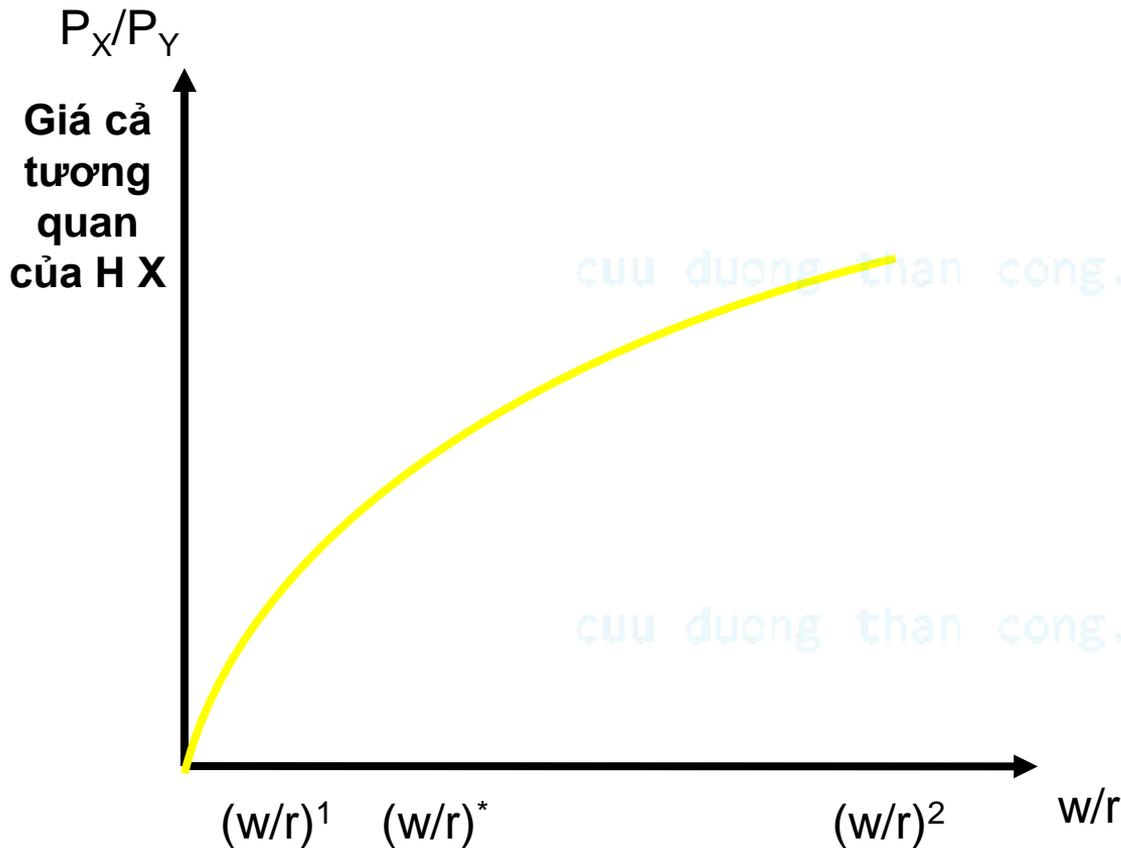
<i>Đặc điểm</i>	<i>Quốc gia 1</i>	<i>Quốc gia 2</i>
Chưa có TM	w thấp (dồi dào L), r cao (khan hiếm K)	r thấp (dồi dào K), w cao (khan hiếm L)
Khi có TM	w tăng, r giảm (tăng sx sp cần nhiều lao động)	r tăng, w giảm (do giảm sx sp cần nhiều lao động)



TMQT sẽ làm cho tiền lương và lãi suất bằng nhau ở QG1 và QG2



Minh họa cân bằng tương đối



Giả thiết 9 + 2



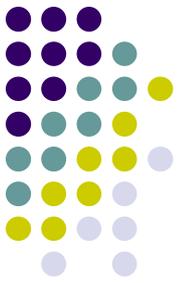
Mỗi tỷ lệ w/r tương ứng với một tỷ lệ P_X/P_Y



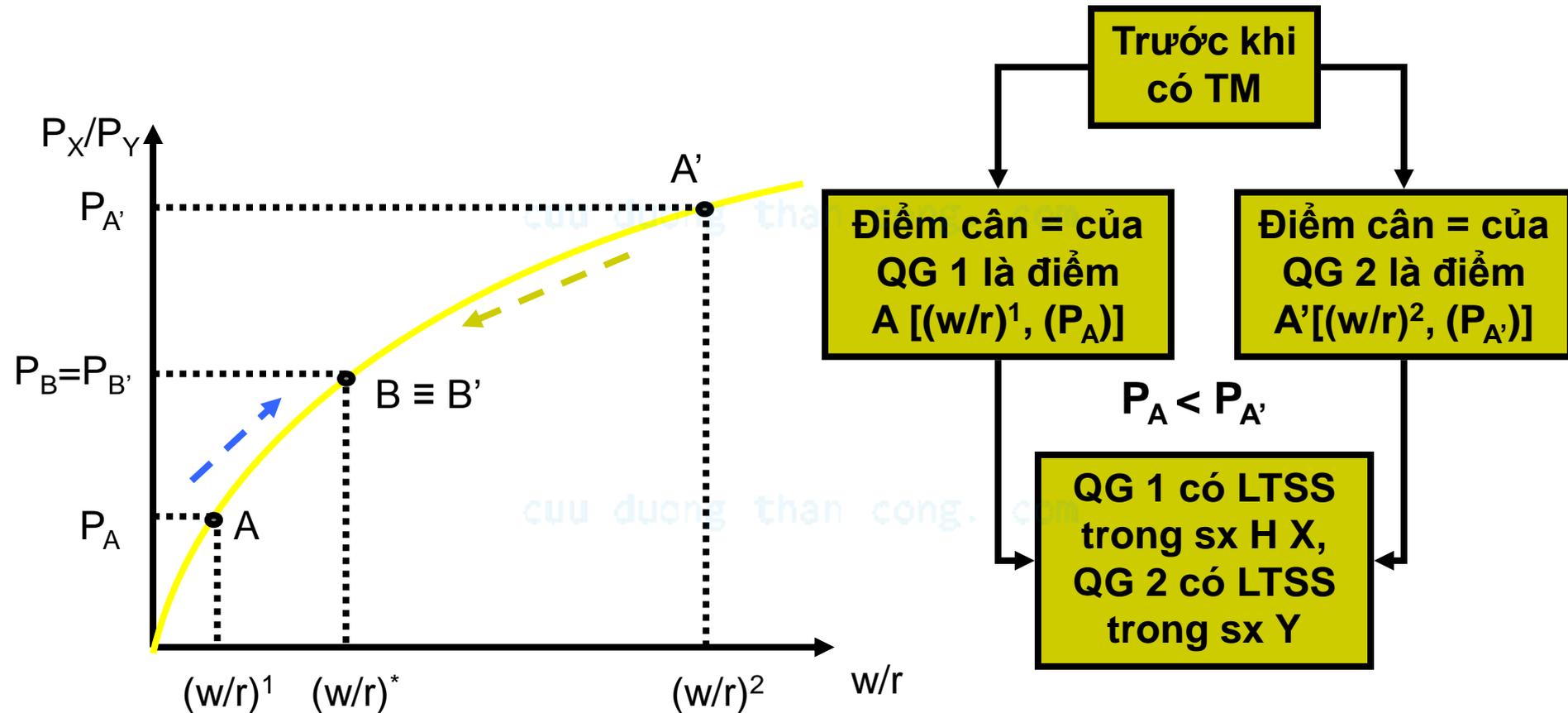
w/r tăng \rightarrow P_X/P_Y tăng nhưng với tốc độ giảm dần

Giá cả tương quan của l



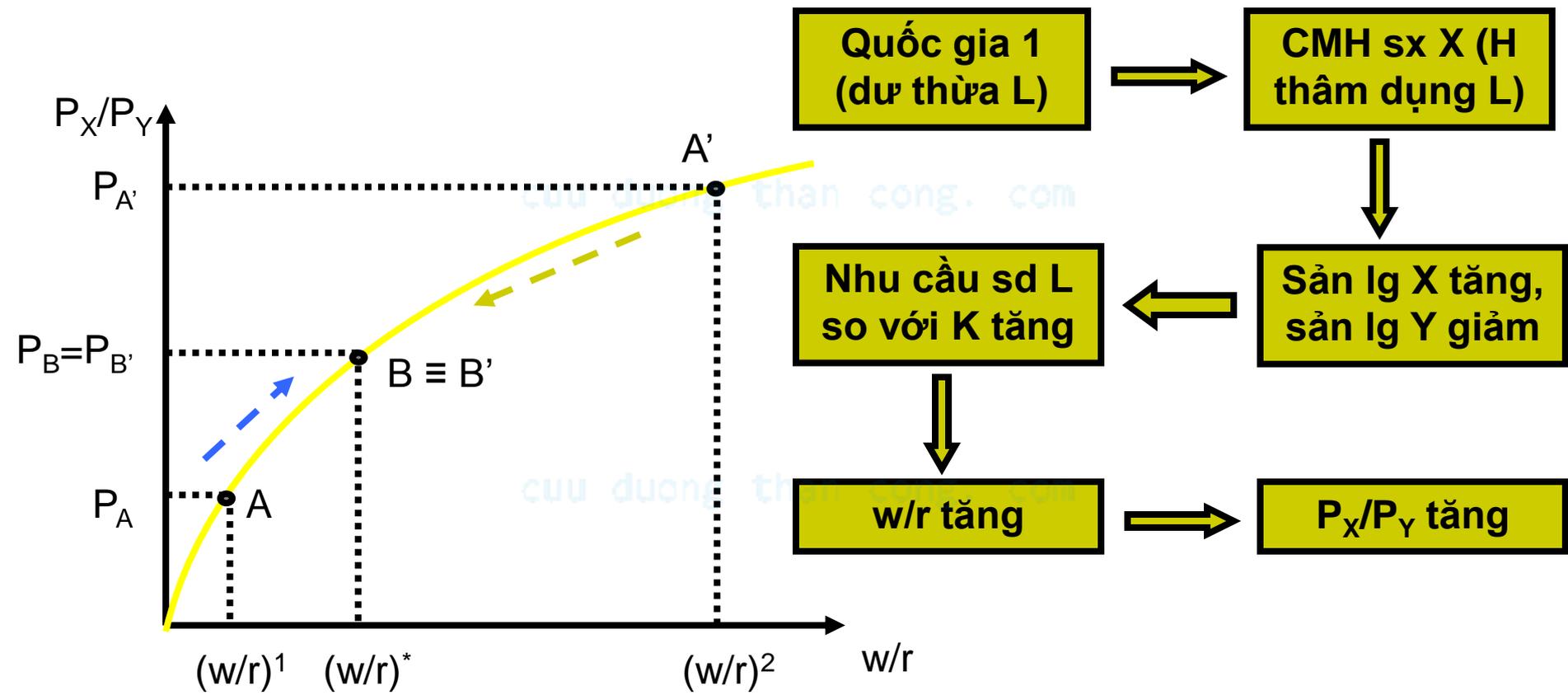


Minh họa cân bằng tương đối

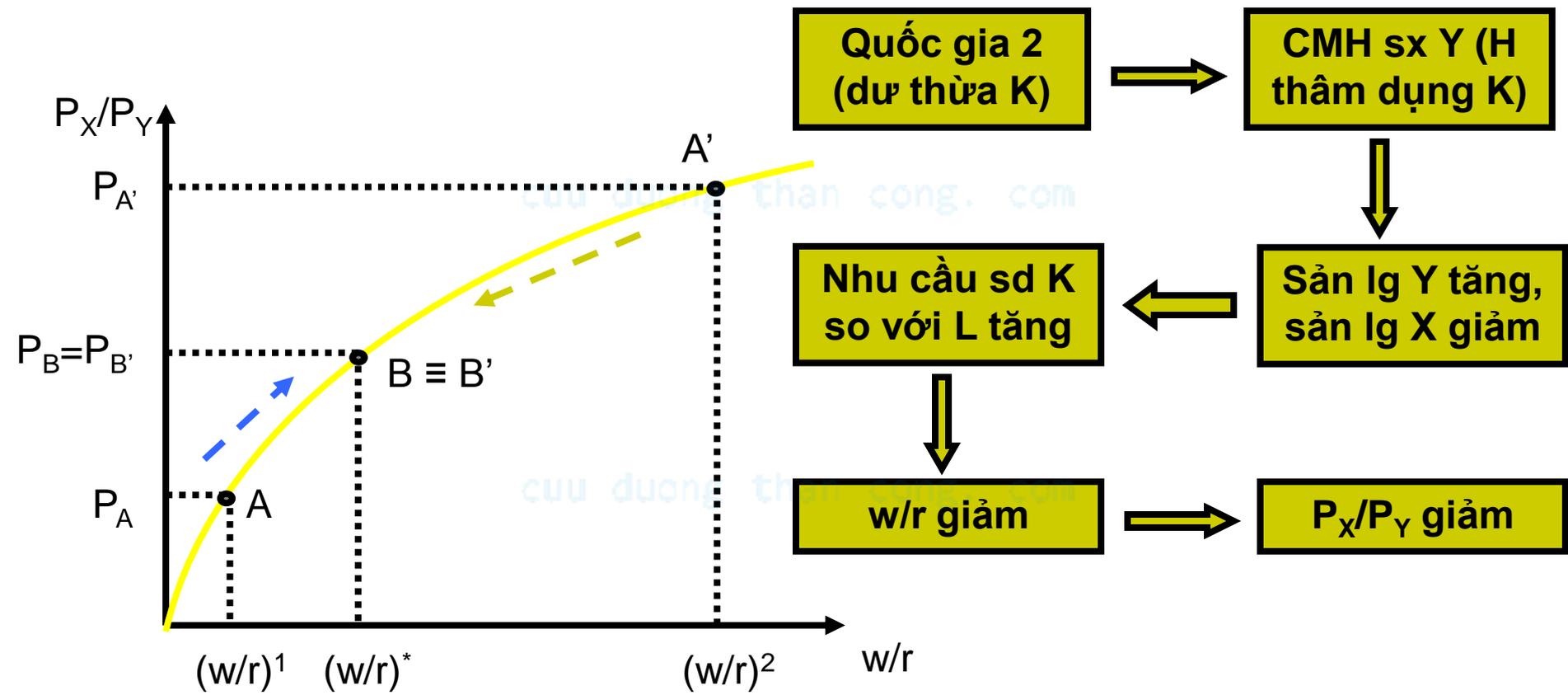




Minh họa cân bằng tương đối

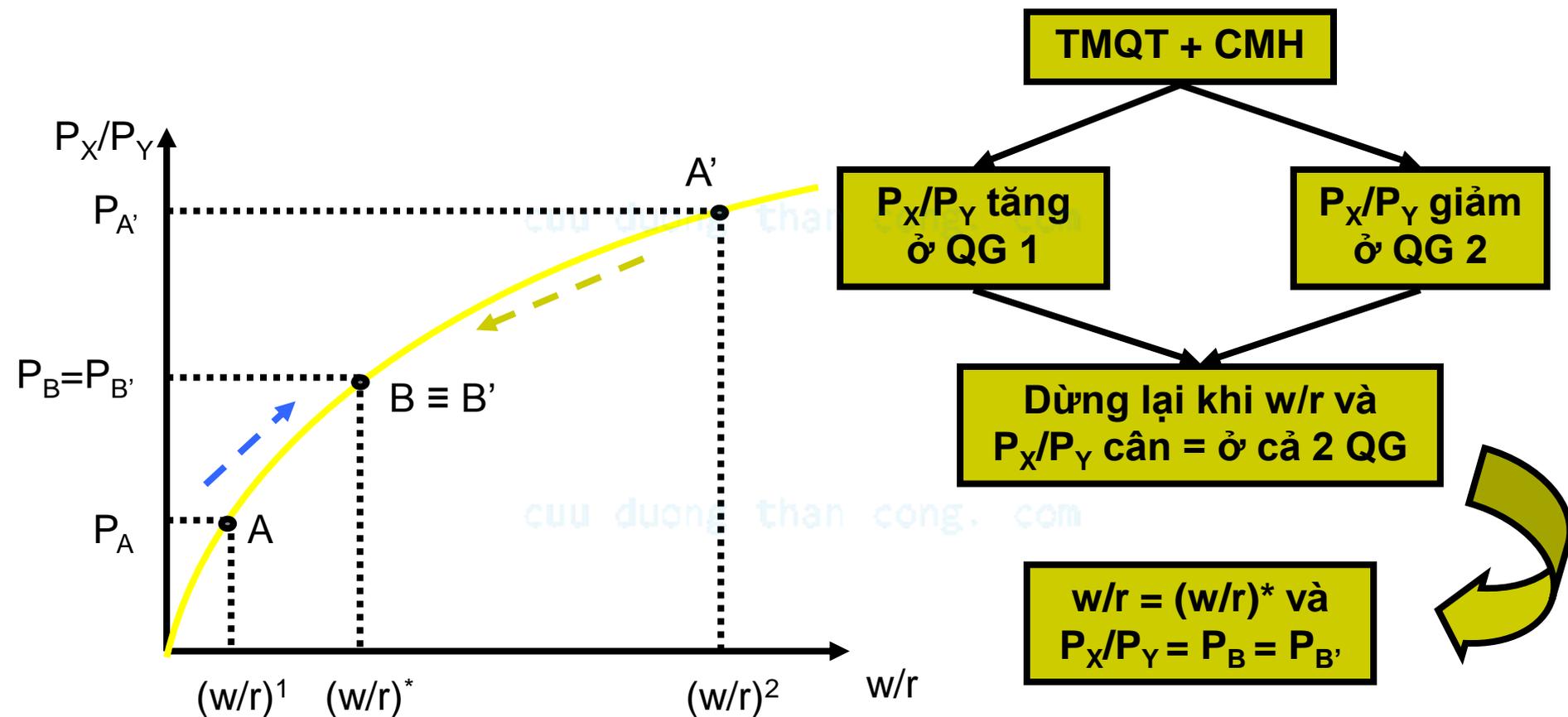


Minh họa cân bằng tương đối





Minh họa cân bằng tương đối



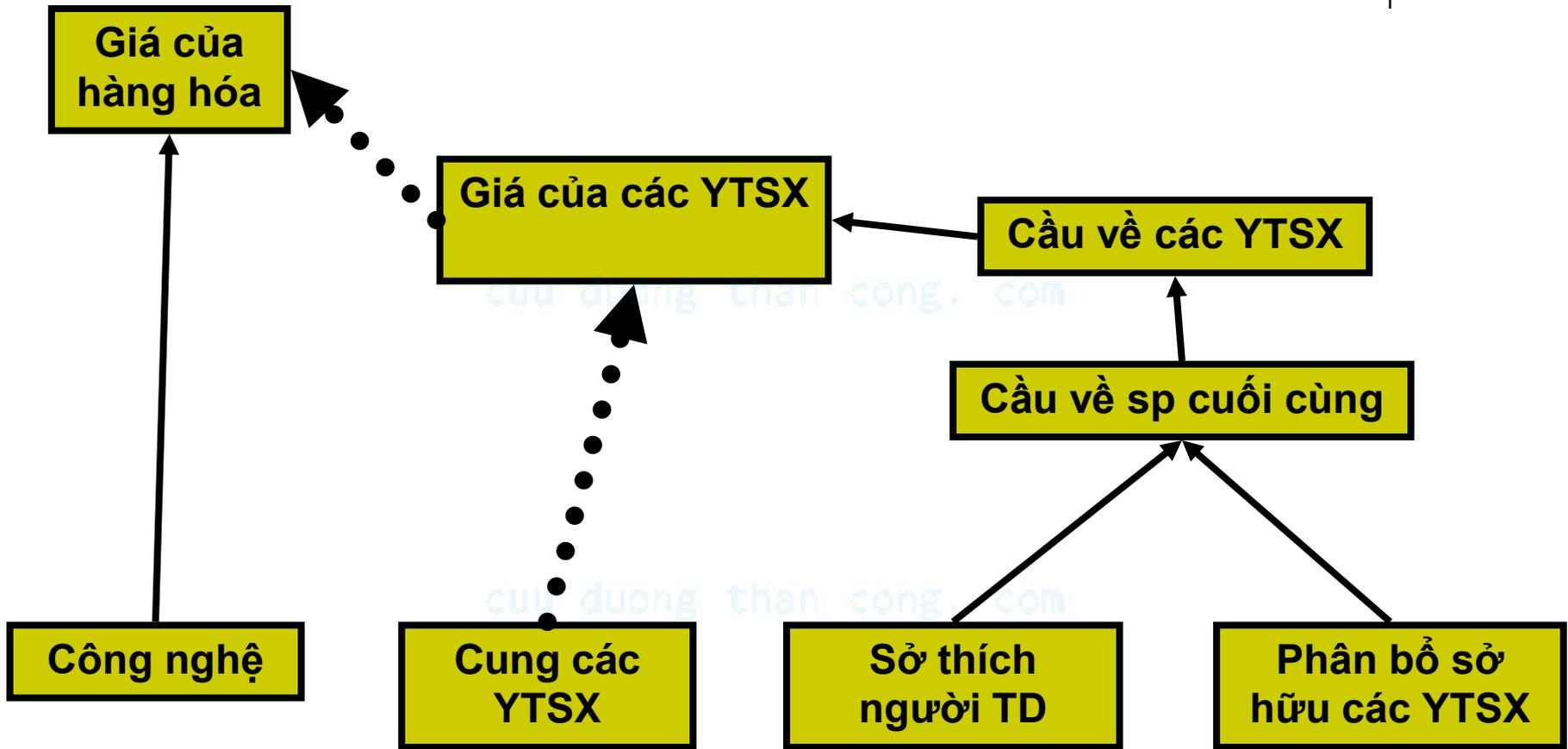
Ý NGHĨA CỦA LÝ THUYẾT H – O



- Là một trong những lý thuyết có ảnh hưởng lớn nhất của KTQT, giữ vị trí trung tâm trong lý thuyết TMQT vì nó cho phép xử lý cùng một lúc nhiều vấn đề về phân phối thu nhập và mô thức TM.
- Tìm ra được nguồn gốc phát sinh ra LTSS. Đó là sự khác biệt giữa các yếu tố dự thừa tương đối hay nguồn lực sx vốn có của mỗi QG.
- Thấy được những nhân tố ảnh hưởng đến giá cả SX → là pp luận cho quá trình xác định giá cả sp.



Ý NGHĨA CỦA LÝ THUYẾT H – O



Hạn chế



- Lý thuyết H-O cho rằng các QG nên XK sp thâm dụng yếu tố mà QG đó dư thừa tương đối và nk sp thâm dụng yếu tố mà QG đó khan hiếm tương đối. Nhưng thực tế ko phải lúc nào cũng vậy. VD: Mỹ những năm gần đây xk H sd ít vốn hơn H nk → Điều này lý thuyết H-O chưa giải thích được.
 - Ko đề cập đến sự khác biệt về chất lượng lđ giữa các QG
 - Công nghệ sx giữa các nước trên thực tế là ko giống nhau
 - Chưa tính đến các rào cản TM như chi phí vận chuyển, thuế quan, hạn ngạch...
- Lý thuyết H-O đúng nhưng chưa thực sự triệt để



Kết thúc chương II

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com